

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2026/HS-ST
Ngày 13-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Ngọc Anh
- Bà Lê Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Trung Tính- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh (điểm cầu trung tâm) và Trại tạm giam số 2 Công an Thành phố H (điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997, tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: **tổ I, ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, phường T, tỉnh An Giang)**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Bùi Thị Kim T2**; tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt từ ngày 12/12/2025 và tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt có mặt tại điểm cầu thành phần, Trại tạm giam số 2 Công an Thành phố H.

- Bị hại: ông **Lê Trọng N**, sinh năm 2000; nơi thường trú: **ấp T, xã G, tỉnh An Giang**, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Trần Danh L**, sinh năm 1992; nơi thường trú: **xóm A, xã X, tỉnh Thanh Hóa**, vắng mặt.

2. Bà **Lê Thị Thu H**; sinh năm 1995, nơi thường trú: **thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai**, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

3. Bà **Đoàn Thị Mỹ N1**, sinh năm 1991; nơi thường trú: **ấp C, xã L, thành phố C**, vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **tổ E, khu phố K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

5. Ông **Cao Chí H1**, sinh năm 1994, tổ , **ấp T, xã M, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

6. Ông **Lê Trọng K**, sinh năm 1999; nơi cư trú: **khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; nơi ở hiện tại: **khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T và ông **Lê Trọng N** là anh, em cô cậu và cùng ở **nhà T** thuộc **khu phố K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh**. Nguyễn sống chung như vợ chồng với bà **Lê Thị Thu H** ở kiốt phía trước, còn **T** ở phòng số 2.

Khoảng 20 giờ ngày 03/11/2025, **T** hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 68D1-428.66 của Nguyễn để sáng ngày 04/11/2025 đi công việc cá nhân, **N** đồng ý và nói **T** chở bà **H** đi làm rồi lấy xe đi. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04/11/2025, **T** điều khiển xe mô tô biển số 68D1-428.66 chở bà **H** đi làm, rồi quay về nhà trọ **Ngọc G1**. Lúc này, do cần tiền tiêu xài, **T** nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 68D1-428.66 cùng với điện thoại của **N** để trong phòng. **T** biết khi **Nguyễn Đ** làm công ty không mang theo điện thoại và bà **H** sáng đi làm sẽ gửi chìa khóa phòng cho bà **Đoàn Thị Mỹ N1** ở chung dãy trọ giữ hộ để trưa **N** về phòng sẽ thuận tiện lấy chìa khóa. Thực hiện ý định, **T** đến gặp bà **N1** hỏi mượn chìa khóa phòng Nguyễn để lấy quần áo bỏ quên, bà **N1** biết **T** là họ hàng với Nguyễn nên không nghi ngờ mà giao chìa khóa cho **T**. **T** vào phòng Nguyễn lục tìm lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A60 và Căn cước công dân mang tên **Lê Trọng N**. Sau đó, **T** khóa cửa phòng, đưa chìa khóa cho bà **N1**, rồi **T** điều khiển xe mô tô bỏ trốn đến một quán nước trên địa bàn **phường A, thành phố Hồ Chí Minh**.

Tại đây, **T** liên hệ qua zalo cho một người tên **T3** (không rõ lai lịch) và nhờ **T3** tìm chỗ mua xe mô tô không giấy tờ không, **T3** hẹn **T** đến một quán nước thuộc **khu phố M, phường B** để trao đổi. Khi **T** đến thì **T3** gọi điện thoại cho ai **T** không rõ, rồi **T3** nói **T** ngồi chờ họ trả lời. Một lúc sau, **T3** nói **T** cho mượn xe mô tô biển số 68D1-428.66 đi mua thuốc lá, **T** đồng ý. Khoảng 30 phút sau, **T3** không quay lại, **T** gọi zalo cho **T3** nhưng không liên hệ được, **T** biết đã bị **T3** lấy xe mô tô biển số

68D1-428.66 nên bỏ đi. Sau đó, T đặt mô tô G2 đến tiệm C1, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh gặp ông Trần Danh L và cầm cố điện thoại OPPO A60 được 1.500.000 đồng, rồi T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 12 giờ ngày 04/11/2025, ông Nguyễn V phòng trọ thì phát hiện mất điện thoại. Ông Nguyễn qua phòng số 2 kiểm T thì thấy T đã dọn hết đồ cá nhân, gọi điện thoại cho T thì không liên hệ được. Ông Nguyễn N2 chủ nhà trọ kiểm tra lại hình ảnh camera và thấy khoảng 07 giờ 50 phút cùng ngày T vào phòng N, rồi đi ra lấy xe mô tô biển số 68D1-428.66 bỏ đi. Đến ngày 01/12/2025, ông Nguyễn B được thông tin T đang ở nhà T, đường D, khu phố M, phường B nên tìm gặp T thì T thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của N nhưng T không có tiền trả lại. Ngày 02/12/2025, ông Nguyễn Đ1 Công an phường L trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Nguyễn Thanh T vào sáng ngày 04/11/2025 tại nhà trọ N3.
- 01 (một) Căn cước công dân mang tên Lê Trọng N.

Theo Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 10/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự phường L, xác định: Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 68D1-428.66 trị giá 16.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A60 trị giá 3.400.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 68D1-428.66, do điện thoại T sử dụng liên hệ với T3 đã bán nên không có thông tin gì về T3 để làm cơ sở xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thông báo truy tìm xe mô tô nhưng chưa có kết quả. Đối với điện thoại di động hiệu OPPO A60, ông Trần Danh L khai đã có người đến chuộc điện thoại nhưng ông L không rõ là ai nên không thu hồi được.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã xử lý giao trả Căn cước công dân cho ông Lê Trọng N. Ông Nguyễn yêu C bồi thường số tiền 19.400.000 đồng theo kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt, T đồng ý nhưng hiện chưa có tiền.

Cáo trạng số: 322/CT-VKS 06/04/2026 của Viện Kiểm sát nhân khu vực 18-thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Thanh T về các tội Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 08 tháng đến 10 tháng về tội “Trộm

cấp tài sản”; từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị hại ông **Lê Trọng N** trình bày tranh luận: Ông **Nguyễn K1** ý kiến gì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo **T**, ông cũng không tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô và điện thoại mà bị cáo đã chiếm đoạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Lê Thị Thu H**: không ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận đối đáp.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội làm cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Thanh T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khi nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, các biên bản hỏi cung bị can, lời khai bị hại, Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 04/11/2025, tại **nhà trọ N3** (thuộc **khu phố K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh**) **Nguyễn Thanh T** được ông **Lê Trọng N** cho mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 68D1-428.66 trị giá 16.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại nhưng sau đó **T** chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn. Ngoài ra, **T** còn lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A60 trị giá 3.400.000 đồng của ông **N**. Bị cáo **T** đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về các tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại, được bị hại cho mượn tài sản (xe mô tô, biển số 68D1-428.66) để sử dụng, sau đó không trả mà chiếm đoạt tài sản của bị hại; bị cáo còn lén lút chiếm đoạt tài sản (điện thoại di động hiệu OPPO A60) của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn kéo dài cho quá trình điều tra, xử lý tội phạm. Do vậy, cần xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quá trình điều tra **T** khai nhận: **T** còn thực hiện việc chiếm đoạt tài sản vào ngày 28/11/2025 tại đường D, tổ A, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an phường L đã chuyển nguồn tin tội phạm, gửi yêu cầu đến Công an phường A đề nghị xác minh, xử lý nguồn tin theo thẩm quyền, nhanh chóng hoàn tất hồ sơ, phối hợp cùng Công an phường L để xử lý. Ngày 03/3/2026, Công an phường A phản hồi là chưa có kết quả định giá, chưa khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh T nên không đủ căn cứ để giải quyết trong cùng vụ án. Ngoài ra, T còn thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đang được Công an phường B thụ lý, xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Qua trình điều tra, ông Lê Trọng N yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt với số tiền 19.400.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn K1 tiếp tục yêu cầu bị cáo bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thanh T** 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** phải chấp hành chung là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2025.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng hồ sơ nghiệp vụ);
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người tham gia tố tụng (6);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT, NTS, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang